

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1069/2019/KDTM-PT

Ngày: 21/11/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Công Toại**

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Trinh

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2019/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

Do Bản án sơ thẩm số 69/2019/KDTM-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4515/2019/QĐ-PT ngày 30/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8541/2019/QĐ-PT ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 đường T, phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải P, CMND số 225571547 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/03/2011.

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 đường T, phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 10 năm 2018). **Có mặt**

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ

Địa chỉ: Lô số L16-11A, Tầng 16- số 72 đường L, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn R, CMND số 311667651 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/07/2013. Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 153 đường L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị Thu N, CMND số 024578308 do Công an TP.HCM cấp ngày 03/04/2012.

Địa chỉ: Số 200 đường 48, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh H, CMND số 264462958 do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 05/6/2012.

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 9 năm 2018). Có đơn ngày 14/11/2019 đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Bà Vi Thị Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Do Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ – sau đây gọi tắt là Công ty Đ/bị đơn có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C – sau đây gọi tắt là Công ty C/nguyên đơn tài trợ tài chính nên các bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016 (sau đây gọi tắt là “*Hợp đồng thuê*”). Theo đó, tài sản mà Công ty Đ có nhu cầu thuê tài chính là một máy chà nhám 1350D, model: 1350D, số seri: 215060002 và một tháp sơn nước và chuyên sơn (sau đây gọi tắt là “*Tài sản thuê*”).

Ngoài ra, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán của bà Vi Thị Thu N (sau đây gọi tắt là “*Bên bảo lãnh*”).

Để thực hiện Hợp đồng thuê, vào ngày 22/8/2016, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B160801302-01-PC và B160801302-02-PC để mua các Tài sản thuê nêu trên. Sau đó, Công ty Đ đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản thuê.

Theo đó tổng giá trị của Tài sản thuê là 1.335.158.000 đồng, số tiền mà Công ty Đ trả trước là 267.031.600 đồng, số tiền mà Công ty C tài trợ là 1.068.126.400 đồng. Thời hạn thuê đối với Hợp đồng thuê là 36 tháng.

Hàng tháng, Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Đ trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với Tài sản thuê.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty Đ bồi thường thiệt hại (nếu có).

Các tài sản trong Hợp đồng thuê được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm, được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số đăng ký 1222770786 ngày 29/8/2016 do Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lãi suất thuê được áp dụng cho Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty Đ chỉ thanh toán 06 tháng tiền thuê và lần thanh toán sau cùng vào ngày 25/3/2017, mặc dù Công ty C đã Nêu lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty Đ để yêu cầu thanh toán.

Do Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 04/5/2017, Công ty C đã phát hành Thông báo số 02.2017/TB-DV về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê kể từ ngày 05/5/2017 yêu cầu Công ty Đ thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 05/5/2017 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) với số tiền là: 1.018.767.847 đồng.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C đã Nêu lần liên hệ với Công ty Đ để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy Nên, phía Công ty Đ vẫn không thực hiện việc thanh toán đầy đủ các khoản tiền trên cho Công ty C. Đồng thời, Công ty C đã Nêu lần liên hệ để yêu cầu Công ty Đ hoàn trả tài sản thuê nhưng không nhận được sự hợp tác.

Ngày 31/5/2017 Công ty C tiến hành thu hồi toàn bộ tài sản nêu trên tại địa chỉ nhà xưởng của Công ty Đ tại Lô 38, Đường N2, Khu sản xuất B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 18/08/2017, Công ty C đã ký Hợp đồng số B160801302-DIS với DNTN gổ T để thanh lý số tài sản thu hồi nêu trên với giá 638.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), khoản tiền này cùng tiền ký cược bảo đảm ban đầu đã được dùng để cân trừ vào phần nghĩa vụ còn lại của Công ty Đ đối với Hợp đồng thuê (bao gồm chi phí thuê kho bãi và lập vi bằng).

Sau đó, Công ty C đã Nêu lần liên lạc với Công ty Đ để yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu nhưng đến nay Công ty Đ vẫn chưa thanh toán.

Nay, Công ty C khởi kiện vụ án ra Tòa án, yêu cầu giải quyết:

Buộc Công ty Đ thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ (Tạm tính đến ngày 28/06/2019) là: 260.816.403 (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm mười sáu nghìn bốn trăm lẻ ba) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 232.666.720 (Hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi) đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê (05/5/2017): 27.183.817 (Hai mươi bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười bảy) đồng;

- Nợ lãi chậm trả từ ngày 05/5/2017 đến ngày 28/06/2019: 965.866 (Chín trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh từ ngày 29/06/2019 tính trên nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty Đ không thanh toán khoản nợ nêu trên cho Công ty C, buộc bà Vi Thị Thu N thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty Đ số tiền còn nợ theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký.

*** Đối với Bị đơn- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ):**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

*** Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Vi Thị Thu N - có ông Bùi Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản khai ngày 05/10/2018 và các biên bản tại Tòa:**

Trước đây bà N là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ. Để đáp ứng kế hoạch kinh doanh nên ngày 02/8/2016 bà N đã đại diện Công ty Đ ký Hợp đồng cho thuê tài chính số: B160801302 với Công ty C, theo đó tài sản thuê là một máy chà nhám 1350D và một tháp sơn nước và chuyển nước với giá trị thuê là 1.068.126.400 đồng.

Để hạn chế những rủi ro và đảm bảo trong việc thu hồi giá trị thuê, ngày 02/8/2016 Công ty C đề nghị bà N lập Thư bảo lãnh cá nhân để thực hiện nghĩa

vụ thanh toán số tiền 1.068.126.400 đồng mà Công ty Đ phải trả cho Công ty C căn cứ theo hợp đồng nêu trên. Sau đó bà N chuyển công tác nên mọi thông tin, tình hình về thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên bà N không còn nắm.

Việc Công ty Đ vi phạm các thỏa thuận dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty C thế nào thì bà N không rõ. Tuy Nên, khi chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty C tự mình yêu cầu lập vi bằng về việc thu hồi tài sản, tự quyết định giá bán tài sản thuê, cản trở nghĩa vụ còn lại của Công ty Đ, nay lại yêu cầu bà N liên đới thanh toán là không hợp lý. Vì quá trình Công ty C thực hiện các công việc nêu trên không có sự tham gia của bà N...

Hiện nay Công ty Đ chưa giải thể, chưa phá sản nên nghĩa vụ bảo lãnh của bà N chưa phát sinh. Phía bà N sẽ xem xét nghĩa vụ của mình khi có chứng cứ chứng minh Công ty Đ mất khả năng chi trả.

Tại Bản án sơ thẩm số 69/2019/KDTM-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C).

Buộc Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) phải thanh toán cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016 là: 260.816.403 (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm mười sáu nghìn bốn trăm lẻ ba) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 232.666.720 (Hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi) đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê (05/5/2017): 27.183.817 (Hai mươi bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười bảy) đồng;

- Nợ lãi chậm trả từ ngày 05/5/2017 đến ngày 28/06/2019: 965.866 (Chín trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 29/6/2019, Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) không thanh toán được các khoản tiền trên thì bà Vi Thị Thu N có trách Nệm thanh toán cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) đầy đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302

ngày 02/8/2016.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.040.820 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi) đồng.

Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) số tiền 6.343.569 (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0023341 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/7/2019, bà Vi Thị Thu N nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, với nội dung yêu cầu kháng cáo như sau: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét rõ tài liệu chứng cứ, đánh giá chưa khách quan về vụ việc làm ảnh hưởng, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy phần trách Nệm cá nhân của bà N trong hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Vi Thị Thu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- bà Nguyễn Thị Thanh Phương phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vi Thị Thu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận nội dung trình bày của nguyên đơn được thể hiện trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân Quận 1, thụ lý giải quyết tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính, giữa nguyên đơn- Công ty C với bị đơn- Công ty Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị Thu N là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét

xử sơ thẩm, bà Vi Thị Thu N nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ. Công ty Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông Bùi Thanh Hoan, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Đ và ông Bùi Thanh H.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vi Thị Thu N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: bản án sơ thẩm đã nhận định đối với lời trình bày của bà N như sau:

Bà Vi Thị Thu N thừa nhận, ngày 02/8/2016 bà N có ký Thư bảo lãnh cá nhân, đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.068.126.400 đồng mà Công ty Đ phải trả cho Công ty C theo hợp đồng thuê. Bên bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện, như là người giao ước chính chứ không như là người bảo lãnh đơn thuần, mà không yêu cầu đền bù hay giảm bớt trách Nệm cho việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn bởi bên thuê đối với tổng số tiền đến hạn phải trả cho bên cho thuê, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các khoản tiền thuê, tiền lãi, chi phí, phụ phí, lệ phí, thiệt hại và bất cứ các khoản nào khác theo quy định của hợp đồng thuê.

Xét nghĩa vụ bảo lãnh của bà N đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016 là tự nguyện. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của Công ty C về việc trong trường hợp Công ty Đ không thanh toán được nợ thì buộc bà N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016.

Xét, lời trình bày của bà N khi chấm dứt hợp đồng cho thuê, Công ty C xử lý tài sản thuê không có sự tham gia của bà N. Việc này cũng được bản án sơ thẩm xem xét, phân tích: Ngày 06/5/2017, bà N - Đại diện Công ty Đ có gửi (chuyển email) cho Công ty C văn bản về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, nội dung: Công ty Đ đang lâm vào tình trạng phá sản và mất khả năng chi trả các khoản tiền phát sinh của hợp đồng thuê, đề nghị Công ty C có biện pháp thanh lý tài sản thuê để cản trở vào các khoản phải thanh toán.

Xét, việc Công ty C tiến hành thanh lý tài sản thuê để thu hồi nợ là có sự đồng ý của bà N. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ để chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vi Thị Thu N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 69/2019/KDTM-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C).

Buộc Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) phải thanh toán cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016 là: 260.816.403 đ (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm mười sáu nghìn bốn trăm lẻ ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 232.666.720 (Hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi) đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê (05/5/2017): 27.183.817 (Hai mươi bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười bảy) đồng;

- Nợ lãi chậm trả từ ngày 05/5/2017 đến ngày 28/06/2019: 965.866 (Chín trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 29/6/2019, Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) không thanh toán được các khoản tiền trên thì bà Vi Thị Thu N có trách Nệm thanh toán cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) đầy đủ số tiền còn nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số B160801302 ngày 02/8/2016.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Dịch vụ Đ (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.040.820 (*Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi*) đồng.

Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (Tên cũ: Công

ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế C) số tiền 6.343.569 đ (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0023341 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm: bà Vi Thị Thu N phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Vi Thị Thu N đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, theo Biên lai thu số AA/2018/0007943 ngày 02/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Toại